TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST
Ngày: 11 - 8 - 2022
V/v: "Tranh chấp kinh doanh thương mại về Hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Liêu K.

2. Bà Diệp Thị T.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đặng H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Phan Thị D - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST-KDTM ngày 11/5/2022 về việc "Tranh chấp kinh doanh thương mại - Hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2022/QĐXX-KDTM ngày 05/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/QĐST-KDTM ngày 21/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty N .

Địa chỉ trụ sở: Quốc lộ 54, ấp Tân Định, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1978. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1995. (Có mặt).

Chức vụ: Nhân viên kinh doanh Công ty N . (Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2021),

Địa chỉ: tổ 10, ấp 2, xã Mỹ Ngãi, thành phố C, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1978 (chủ Cửa hàng Vật tư nông nghiệp M. (Vắng mặt).

Địa chỉ: số 371B, đường Trần Phú, ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh A .

Chỗ ở: đường Lê Thị H, ấp P, thị trấn P, huyện T , tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 16/12/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty N (do ông Nguyễn Chí Tâm, đại diện) trình bày: từ ngày 09/4/2021 đến ngày 02/11/2021, Công ty N có bán vật tư nông nghiệp (phân bón các loại như: NPK,URE, KALI) bằng hình thức bán hàng qua điện thoại với Cửa hàng vật tư nông nghiệp M , do bà Nguyễn Ngọc Y làm chủ. Quá trình mua bán phân bón, các bên có lập Hợp đồng kinh tế ngày 16/4/2021. Trong quá trình mua bán, Công ty N đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng kinh tế ngày 16/4/2021. Tuy nhiên, bà Nguyễn Ngọc Y là chủ Cửa hàng vật tư nông nghiệp M đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận với Công ty. Mặc dù Công ty N đã nhiều lần cử cán bộ đến gặp bà V để thu hồi vốn nhưng bà V cố tình né tránh, không thực hiện. Đến ngày 02/11/2021, bà Nguyễn Ngọc Y có ký bản đối chiếu và xác nhận công nợ với Công ty N với số tiền là 29.050.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, Công ty N yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Y có nghĩa vụ trả cho Công ty N số tiền mua phân bón là 29.050.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh cho đến khi xét xử theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế ngày 16/4/2021.

Nay, Công ty N chỉ yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Y có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền mua phân bón là 29.050.000 đồng (hai mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng) và rút lại yêu cầu bị đơn trả lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Y (chủ Cửa hàng vật tư nông nghiệp M) vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải, thực hiện tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên đã tự từ bỏ quyền của mình.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 24, 50 và 306 của Luật Thương mại năm 2005, tuyên: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 29.050.000 đồng.

+ Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất, do nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi suất.

+ Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Y có địa chỉ tại thị trấn P , huyện T , tỉnh A (có xác nhận của Công an thị trấn P , huyện T , tỉnh A) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà V đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập bà V đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà V theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Công ty N yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Y có nghĩa vụ trả số tiền mua phân bón còn nợ là 29.050.000 đồng (hai mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng). Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là Hợp đồng kinh tế (Hợp đồng mua bán phân bón) ngày 16/4/2021, Bảng đối chiếu và xác nhận công nợ giữa Công ty N và bà Nguyễn Ngọc Y (chủ Cửa hàng vật tư nông nghiệp M).

[4] Qúa trình giải quyết vụ án, do bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Ngọc Y đối chiếu nợ nhưng bà V đều vắng mặt, không lý do và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ 29.050.000 đồng.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, giữa Công ty N với bà Nguyễn Ngọc Y có ký kết Hợp đồng mua bán phân bón lập ngày 16/4/2021. Sau đó, bà Nguyễn Ngọc Y ký xác nhận còn nợ Công ty N số tiền 29.050.000 đồng. Như vậy, Hợp đồng mua bán giữa Công ty N và bà Nguyễn Ngọc Y được giao kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng hợp pháp và có giá trị pháp lý từ thời điểm giao kết. Bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty N yêu cầu bà V có nghĩa vụ trả số tiền gốc 29.050.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 24 và Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về lãi suất: tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi xét xử. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi suất.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: do bà Nguyễn Ngọc Y bị buộc trả số tiền nêu trên, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Công ty N không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc bà Nguyễn Ngọc Y (chủ Cửa hàng vật tư nông nghiệp M) có trách nhiệm trả cho Công ty N số tiền 29.050.000 đồng (hai mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

1.2. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi suất trên số tiền gốc 29.050.000 đồng.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Ngọc Y (chủ Cửa hàng vật tư nông nghiệp M) chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.2. Công ty N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009192, ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A .

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn H